

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/AGRIS-NH/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIS NINH HÒA

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0258.3620416 Fax: 0258.3620143 Email: vpct.nh@ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 4200636590

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – FSSC 22000 số: FSSC 648308

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN (STANDARD WHITE SUGAR)**
2. Thành phần: Đường mía 100%
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất in trên bao bì sản phẩm.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Đường trắng tiêu chuẩn được đóng gói trong bao bì có 2 lớp: PE bên trong và PP bên ngoài.
 - Khối lượng tịnh: 50 kg
5. Xuất xứ: Việt Nam
6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

6.1 Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIS NINH HÒA

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

6.2 Địa chỉ cơ sở sản xuất và đóng gói:

Cơ sở 1: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIS NINH HÒA

Địa chỉ: thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy D

Cơ sở 2: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “A” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy A

Cơ sở 3: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh



Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “G” sau ngày sản xuất

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy G

Cơ sở 4: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG

Địa chỉ: 160 Bắc Ái, P. Đô Vinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “E” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX: dd.mm.yy E

Cơ sở 5: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, phường Cheo Reo, thị xã Ayunpa, tỉnh Gia Lai

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “F” sau ngày sản xuất

Minh họa: NSX: dd.mm.yy F

Cơ sở 6: CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

Địa chỉ: Bản Na Sược, huyện Phu Vông, tỉnh Attapeu, Lào

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “I” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX: dd.mm.yy I

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Mẫu nhãn đính kèm hồ sơ.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. Vi sinh: Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện – yêu cầu vệ sinh: Vi sinh vật

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số VSV hiếu khí	CFU/10g	200
2	Tổng số bào tử nấm men	CFU/10g	10
3	Tổng số bào tử nấm mốc	CFU/10g	10

2. Kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0.5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0.05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1
5	Hàm lượng Đồng	mg/kg	2

3. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

4. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

4.1 Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể sáng, tươi khô. Khi chịu lực nén, các tinh thể có thể bị nén lại và vón cục nhẹ, rơi ra khi có tác động lực.
- Mùi vị: Tinh thể và dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Dung dịch: Dung dịch trong suốt khi pha với nước cất.

4.2 Các chỉ tiêu hóa lý:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Saccharose	%	≥ 99.7
2	Hàm lượng ẩm	%	≤ 0.07
3	Độ màu	ICUMSA	≤ 200
4	Hàm lượng tro dẫn điện	%	≤ 0.07
5	Hàm lượng đường khử	%	≤ 0.1

4.3 Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện – yêu cầu vệ sinh: Dư lượng SO_2 .

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng SO_2	mg/kg	< 10

5. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.

6. Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Ninh Hòa, ngày 07 tháng 3 năm 2024

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Võ Thị Thủy Tiên





Vũ Anh Kiệt

Vũ Thị Thủy Tiên

200 mm

80 mm

30 mm

ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN 50 KG



ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN STANDARD WHITE SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): 50 kg
THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA 100%

Sản phẩm của
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIS NINH HÒA
Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị Xã Ninh Hòa, Khánh Hòa
Website: www.ttcagris.com.vn
Xuất xứ: Việt Nam

TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN



LIÊN MINH
TÀI CHẾ BAO BÌ
VIỆT NAM

HOTLINE
0258.3620416



Giới môi trường sạch đẹp, vui lòng
bỏ vào thùng rác sau khi sử dụng

- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG
- NGÀY SẢN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



30 mm

ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN 50 KG

100 mm

KT3-07422BTP3/1-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/01/2024
Page 01/03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ
KT3-07422BTP3/1-1 NGÀY 04/01/2024

THIS TEST REPORT REPLACES FOR TEST REPORT NO. KT3-07422BTP3/1-1 DATED 04/01/2024

- Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN/
STANDARD WHITE SUGAR
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu
do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer,
sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 22/12/2023
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 25/12/2023 - 04/01/2024
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIS NINH HÒA
AGRIS NINH HOA IMPORT EXPORT JOINT STOCK
COMPANY
Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh
Hòa, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02 - 03/03

Thay đổi thông tin sau theo yêu cầu của khách hàng qua công văn số 01/2024/CV-QHSE/NHS ngày
25/01/2024:

The information was changed according to customer's official dispatch No. 01/2024/CV-QHSE/NHS dated
25/01/2024:

Nội dung/ Item	Ban đầu/ Initial	Thay đổi/ Change as
Nơi gửi mẫu / Customer	CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA - NINH HÒA Thôn Phước Lâm - Xã Ninh Xuân - Thị Xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIS NINH HÒA AGRIS NINH HOA IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07422BTP3/1-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/01/2024
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan/ Sensory^(*) - Trạng thái bên ngoài Appearance - Màu sắc / Color - Mùi Vị / Odor & taste	QTTN/KT3 234:2019		-	Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, toi khô, không vón cục/ White crystal, relatively same in size, dry, no curdle Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong White crystal, clear solution when adding in water Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ Sugar crystal or sugar solution in water is sweet, free from foreign odor & taste
7.2. Độ Pol ở 20°C (°Z) Polarization at 20°C	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA		-	99,8
7.3. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % Reducing sugar content (m/m)	GS 2/3/9 - 5 (2011) ICUMSA		-	4,00 x 10 ⁻²

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07422BTP3/1-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/01/2024
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.4. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % Conductivity ash content (m/m)	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA		-	2,90 x 10 ⁻²
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % Moisture content (m/m)	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA		-	2,60 x 10 ⁻²
7.6. Độ màu/ Color, IU	TCVN 6333:2010		-	93,8
7.7. Hàm lượng tạp chất không tan, mg/kg Insoluble matter content	GS 2/3/9 - 19 (2007) ICUMSA	-		3,30
7.8. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 196:2018 (Ref: AOAC 2013.06)	2,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng arsen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427:2010	1,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC 971.21)	1,50x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg Sulfur dioxide content	GS 2/1/7/9 - 33 (2011) ICUMSA	-		4,25
7.13. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg Aflatoxin content	TCVN 7596:2007			
• B ₁			0,75	Không phát hiện Not detected
• B ₂			0,75	Không phát hiện Not detected
• G ₁			0,75	Không phát hiện Not detected
• G ₂			0,75	Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg Aflatoxin B ₁ content	TCVN 7596:2007		0,75	Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07422BTP3/1-2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

30/01/2024
Page 01/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ
KT3-07422BTP3/1-2 NGÀY 04/01/2024

THIS TEST REPORT REPLACES FOR TEST REPORT NO. KT3-07422BTP3/1-2 DATED 04/01/2024

- Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN/
STANDARD WHITE SUGAR
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu
do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer,
sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 22/12/2023
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 25/12/2023 - 04/01/2024
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIS NINH HÒA
AGRIS NINH HOA IMPORT EXPORT JOINT STOCK
COMPANY
Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh
Hòa, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02/02

Thay đổi thông tin sau theo yêu cầu của khách hàng qua công văn số 01/2024/CV-QHSE/NHS ngày
25/01/2024:

The information was changed according to customer's official dispatch No. 01/2024/CV-QHSE/NHS dated
25/01/2024:

Nội dung/ Item	Ban đầu/ Initial	Thay đổi/ Change as
Nơi gửi mẫu / Customer	CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA - NINH HÒA Thôn Phước Lâm - Xã Ninh Xuân - Thị Xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIS NINH HÒA AGRIS NINH HOA IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07422BTP3/1-2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/01/2024
Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, Mesophilic bacteria	CFU/10 g	GS 2/3 – 41 (2011) - ICUMSA 2017
7.2. Tổng số nấm mốc, Total moulds	CFU/10 g	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017
7.3. Tổng số nấm men, Total yeasts	CFU/10 g	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017
		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾ Less than

Ghi chú/Notes: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.



QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Report N°: 0000444609

Page N° 1/6

Ho Chi Minh City, Date: February 28, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 28/02/2024

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2312A-2346

Đơn hàng: 2312A-2346

CLIENT'S NAME

Tên khách hàng

: AGRIS NINH HOA IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIS NINH HÒA

CLIENT'S ADDRESS

Địa chỉ

: PHUOC LAM HALMET - NINH XUAN COMMUNE - NINH HOA TOWN - KHANH HOA PROVINCE

THÔN PHƯỚC LÂM - XÃ NINH XUÂN - THỊ XÃ NINH HÒA - TỈNH KHÁNH HÒA

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by

Được lấy/ gửi bởi

: Client

: Khách hàng

Client's reference

Chú thích của khách hàng

: STANDARD WHITE SUGAR

: ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description

Mô tả mẫu

: Sugar (approx. 2.71kg) in plastic bags

: Đường (khoảng 2.71kg) chứa trong túi nhựa

Sample ID

Mã số mẫu

: 2312A-2346.001

Date sample(s) received

Ngày nhận mẫu

: December 21, 2023

: 21/12/2023

Testing period

Thời gian thử nghiệm

: December 21, 2023 - December 27, 2023

: 21/12/2023 - 27/12/2023

Test(s) requested

Yêu cầu thử nghiệm

: As applicant's requirement

: Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s)

Kết quả kiểm nghiệm

: Please refer to the next page(s)

: Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,

Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000444609

Page N° 2/6

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. 2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D) <i>2,4-D (tổng 2,4-D, muối của nó, este và liên hợp của nó, được biểu thị bằng 2,4-D)</i>	LFOD-TST-SOP-8425	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
2. Dicamba <i>Dicamba</i>	LFOD-TST-SOP-8425	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	0.03	mg/kg	
3. Imazapic <i>Imazapic</i>	LFOD-TST-SOP-8425	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
4. Trinexapac (sum of trinexapac (acid), its salts and its esters Trinexapac ethyl, expressed as trinexapac) <i>Trinexapac (tổng của trinexapac (axít), muối của nó và este Trinexapac ethyl, được biểu thị dưới dạng trinexapac)</i>	LFOD-TST-SOP-8425	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
5. Glyphosate <i>Glyphosate</i>	J. AOAC Int. 100 (2017) 631-639	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
6. Cypermethrin (sum of isomers) <i>Cypermethrin (tổng các đồng phân)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
7. Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (sum) <i>Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (tổng)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
8. Propiconazole (sum of isomers) <i>Propiconazole (tổng các đồng phân)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 08 Jun, 2022

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
9. Aldicarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone expressed as aldicarb) <i>Aldicarb (tổng của aldicarb và các aldicarb sulfoxide, aldicarb sulfone quy về aldicarb)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
10. Carbofuran (sum of carbofuran (including any carbofuran generated from carbosulfan, benfuracarb or furathiocarb) and 3-OH carbofuran expressed as carbofuran) <i>Carbofuran (tổng của carbofuran (bao gồm carbofuran tạo ra từ carbosulfan, benfuracarb hoặc furathiocarb) và 3-OH carbofuran quy về carbofuran)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
11. Isoxaflutole (sum of isoxaflutole and its diketonitrile-metabolite RPA 202248, expressed as isoxaflutole) <i>Isoxaflutole (tổng của isoxaflutole và chất chuyển hóa Isoxaflutole diketonitrile RPA 202248 của nó, quy về isoxaflutole)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
12. Aldicarb <i>Aldicarb</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
13. Aldicarb sulfone <i>Aldicarb sulfone</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
14. Aldicarb sulfoxide <i>Aldicarb sulfoxide</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
15. Azinphos-methyl <i>Azinphos-methyl</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
16. Carbofuran <i>Carbofuran</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
17. 3-Hydroxycarbofuran <i>3-Hydroxycarbofuran</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
18. Chlorantraniliprole <i>Chlorantraniliprole</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
19. Clothianidin <i>Clothianidin</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
20. Ethoprophos <i>Ethoprophos</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
21. Isoxaflutole <i>Isoxaflutole</i>	EN 15662:2018 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	0.03	mg/kg	
22. Isoxaflutole diketonitrile RPA 202248 <i>Isoxaflutole diketonitrile RPA 202248</i>	EN 15662:2018 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
23. Mesotrione <i>Mesotrione</i>	EN 15662:2018 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	0.03	mg/kg	
24. Novaluron <i>Novaluron</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
25. Tebufenozide <i>Tebufenozide</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
 - All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
 - All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
 - Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
 - LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.
- LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
 of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
 this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
 at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
 Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
 to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
 documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
 appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
 extent of the law.

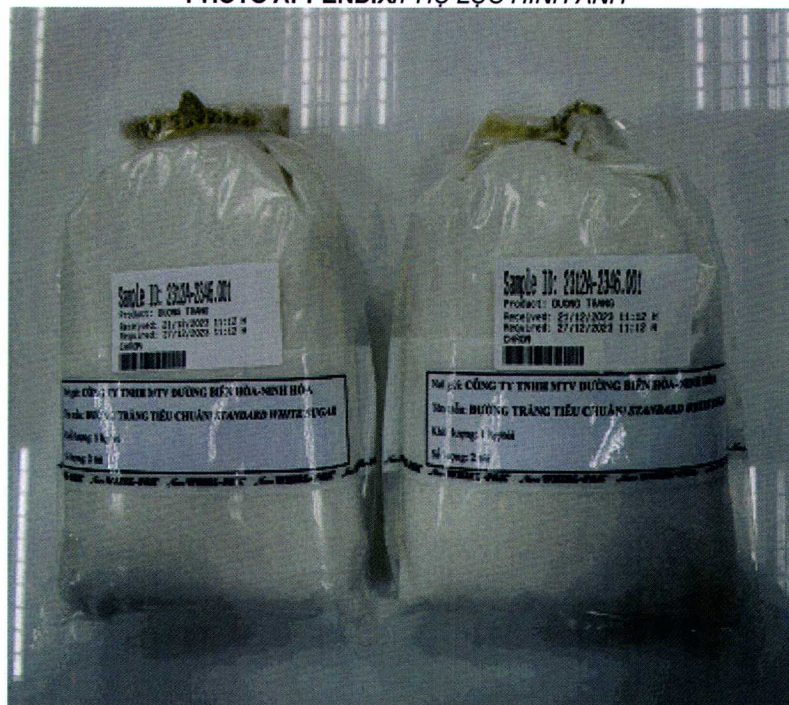
was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g or <10 cfu/mL if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g or <1 cfu/mL if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g or <100 cfu/mL for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g or 0 MPN/mL for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g or 1 mL in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g or 0 MPN/0.1mL for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g or 0.1 mL in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g hoặc <10 cfu/mL nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g hoặc <1 cfu/mL nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g hoặc <100 cfu/mL đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g hoặc 0 MPN/mL với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g hoặc 1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g hoặc 0 MPN/0.1mL với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g hoặc 0.1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000444609

Page N° 6/6

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000422783 - Dated: 27/01/2024 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000422783 - Ngày: 27/01/2024 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam



Nguyễn Thị Loan Phương
Trưởng Phòng Hóa Ướt



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.